ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ THỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:8418 /PA-UBND	*Mỹ Thới, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT
Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Ngô Văn Dức và bà Trần Thị Thanh Tâm khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thới về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHTĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- Ông Ngô Văn Dức: Sinh năm 1970, số CCCD 089070010036

- Bà Trần Thị Thanh Tâm: Sinh năm 1972, số CCCD 089172017260

- Địa chỉ thường trú: khóm Trung Thạnh, phường Mỹ Thới.

- Phương án số: 34

2. Thông tin về đất đai: Không có

- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Diện tích:
- Số tờ; số thửa
- Loại đất thu hồi:
- Nguồn gốc thửa đất:

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai:

Loại đất	Diện tích (m^2)
Tổng	

3.2. Loại tài sản trên đất (cây trồng, vật nuôi/công trình xây dựng, nhà)

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Tổng		

3.3. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà	m^2	47,20
Mái che 1	m^2	29,70
Mái che 2	m^2	21,50
Nhà vệ sinh	m^2	2,90
Sân	m^2	27,20
Trại	m^2	18,50
Mái kết	m^2	17,20
Chuồng gà 1	m^2	39,00
Chuồng gà 2	m^2	14,00
Chuồng gà 3	m^2	13,10
Chuồng gà 4	m^2	3,40
Chuồng gà 5	m^2	16,60
Chuồng gà 6	m^2	6,90
Chuồng gà 7	m^2	12,30
Chuồng gà 8	m^2	8,00
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 162.115.250 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai: Không có

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
Tổng			

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng: Không có

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

4.3. Kinh phí bồi thường vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà	47,20	2.038.000	50%	48.096.800
Mái che 1	29,70	760.500	60%	13.552.110
Mái che 2	21,50	506.000	60%	6.527.400
Nhà vệ sinh	2,90	1.444.000	60%	2.512.560
Sân	27,20	136.000	60%	2.219.520
Trại	18,50	760.500	60%	8.441.550
Mái kết	17,20	400.125	60%	4.129.290
Chuồng gà 1	39,00	1.444.000	60%	33.789.600
Chuồng gà 2	14,00	1.444.000	60%	12.129.600
Chuồng gà 3	13,10	849.000	60%	6.673.140
Chuồng gà 4	3,40	849.000	60%	1.731.960
Chuồng gà 5	16,60	849.000	60%	8.456.040
Chuồng gà 6	6,90	849.000	60%	3.514.860
Chuồng gà 7	12,30	849.000	60%	6.265.620
Chuồng gà 8	8,00	849.000	60%	4.075.200
Tổng				**162.115.250**

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.6+5.7): đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Tổng					

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: không có

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi: không có

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Tổng				

5.5. Hỗ trợ tái định cư: không có

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: không có

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: không có

Loại hỗ trợ	Diện tích - Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4 + 5): 162.115.250 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, một trăm mười lăm ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này./.

Nơi nhận:
- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG MỸ THỚI T. AN GIANG

Phạm Thành Nhơn